

Tiền Giang, ngày 09 tháng 8 năm 2023

Số: 220/QĐ-BQLDADDCN

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai điều chỉnh dự toán ngân sách
năm 2023 của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình
dân dụng và công nghiệp tỉnh Tiền Giang**

**GIÁM ĐỐC BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
CÔNG TRÌNH DÂN DỤNG VÀ CÔNG NGHIỆP TỈNH TIỀN GIANG**

Căn cứ Quyết định số 09/QĐ-UBND ngày 04/01/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thành lập Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Tiền Giang; Quyết định số 568/QĐ-UBND ngày 22/3/2017 về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Tiền Giang; Quyết định số 3565/QĐ-UBND ngày 16/12/2021 về việc điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Tiền Giang; Quyết định số 3630/QĐ-UBND ngày 21/12/2021 về việc điều chỉnh Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Tiền Giang;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16/9/2022 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Quyết định số 184/QĐ-UBND ngày 21/01/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao quyền và phân loại mức tự chủ tài chính đối với Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng chuyên ngành tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 143/QĐ-BQLDADDCN ngày 27/5/2022 của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh về việc ban hành Quy chế công khai minh bạch;

Căn cứ Công văn số 3961/STC-QLNS ngày 16/12/2022 của Sở Tài chính Tiền Giang về việc dự toán thu, chi hàng năm của các Ban quản lý dự án chuyên ngành.

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Tài chính - Kế hoạch.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai điều chỉnh số liệu dự toán ngân sách năm 2023 của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Tiền Giang (theo biểu đính kèm).

Điều 2. Chánh Văn phòng Ban Quản lý dự án, Trưởng các phòng chuyên môn thuộc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh có trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Sở Tài chính;
- Ban Giám đốc;
- Lưu: VT, TCKH (Trúc, 5b).

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thị Thanh Phương

UBND TỈNH TIỀN GIANG
BQL DỰ ÁN ĐTXD CÔNG TRÌNH DD & CN

CÔNG KHAI THUYẾT MINH ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 220/QĐ-BQLDADDCN ngày 09/8/2023 của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Tiền Giang)

ĐV tính: đồng

STT	DIỄN GIẢI	SỐ TIỀN
A	DỰ TOÁN THU	26.733.751.000
I	Tổng số thu	26.733.751.000
1	Thu chi phí từ các dự án được giao (từ nguồn chi thường xuyên)	23.050.074.000
2	Nguồn thu từ hoạt động dịch vụ tư vấn	3.653.677.000
3	Nguồn thu hợp pháp khác	30.000.000
II	Nguồn thu chuyển sang năm sau tiếp tục sử dụng	0
III	Nguồn thu được sử dụng trong năm (III)=(I)+(II)	26.733.751.000
B	CÁC KHOẢN CHI	10.782.896.778
I	Chi thường xuyên	10.782.896.778
1	Tiền lương	4.020.657.450
2	Tiền công	342.000.000
3	Các khoản phụ cấp lương	178.370.200
4	Các khoản trích nộp theo lương	960.805.820
5	Chi khen thưởng	50.000.000
6	Chi phúc lợi tập thể	50.000.000
7	Thanh toán dịch vụ công cộng	400.000.000
8	Chi mua vật tư văn phòng	500.000.000
9	Chi thanh toán thông tin, tuyên truyền, liên lạc	150.000.000
10	Chi hội nghị	120.000.000
11	Chi thanh toán công tác phí	500.000.000
12	Chi phí thuê mướn	100.000.000
13	Chi đoàn đi công tác nước ngoài	0
14	Chi đoàn vào	0
15	Khấu hao tài sản cố định	956.048.189
16	Chi sửa chữa thường xuyên tài sản	200.000.000
17	Chi phí khác	1.300.000.000
18	Dự phòng	955.015.119
II	Chi không thường xuyên	0

Tiền Giang, ngày 09 tháng 8 năm 2023

Thủ trưởng đơn vị



Nguyễn Thị Thanh Phương

Tiền Giang, ngày 09 tháng 8 năm 2023

CÔNG KHAI THỰC HIỆN ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 220/QĐ-BQLDADDCN ngày 09/8/2023 của Ban Quản lý dự án
đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Tiền Giang)
(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Ban QLDA đầu tư xây dựng CT Dân dụng và Công nghiệp tỉnh Tiền Giang công khai tình hình thực hiện điều chỉnh dự toán thu-chi ngân sách năm 2023 như sau:

ĐV tính: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý/6 tháng/năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	26.733.751.000			
I	Số thu phí, lệ phí	26.733.751.000			
1	Lệ phí				
2	Phí				
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
1	Chi sự nghiệp.....				
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
1	Lệ phí				
2	Phí				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	10.782.896.778			
I	Nguồn ngân sách trong nước	10.782.896.778			
1	Chi quản lý hành chính	10.782.896.778			
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	10.782.896.778			
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý/6 tháng/năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
5	Chi bảo đảm xã hội				
6	Chi hoạt động kinh tế				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
II	Nguồn vốn viện trợ				
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
5	Chi bảo đảm xã hội				
6	Chi hoạt động kinh tế				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
5	Chi bảo đảm xã hội				
6	Chi hoạt động kinh tế				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				

Thủ trưởng đơn vị

(Chữ ký, dấu)



Nguyễn Thị Thanh Phương